Ký bởi HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
Giờ ký: 2025-06-25T19:13:37.083+07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 653/NQ-HĐND	*Thanh Hóa, ngày 24 tháng 6 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bắc Hoằng Hóa, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 30

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐCP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Xét Tờ trình số 112/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bắc Hoằng Hóa, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 384/BC-KTNS ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bắc Hoằng Hóa, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, với nội dung như sau:

1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch

1.1. Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch: Thuộc địa giới hành chính các xã Hoằng Xuân, Hoằng Kim, Hoằng Phượng, Hoằng Phú, Hoằng Quý huyện Hoằng Hóa.

1.2. Ranh giới được giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp đường nối Quốc lộ 45 với Quốc lộ 1A;

- Phía Nam giáp đường Phú Quý 3 và khu dân cư hiện trạng;

- Phía Đông giáp đường Phú Quý 9;

- Phía Tây giáp kênh Nam.

1.3. Quy mô:

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: khoảng 255,96 ha; Trong đó: đất khu công nghiệp khoảng 250,55 ha; đất ngoài khu công nghiệp khoảng 5,41 ha.

- Quy mô lao động: khoảng 14.400 - 23.400 người.

2. Mục tiêu

- Cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Quy hoạch vùng huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070 và Quy hoạch chung Đô thị Phú Quý, huyện Hoằng Hóa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt.

- Hình thành khu công nghiệp đồng bộ cơ sở kết cấu hạ tầng kỹ thuật, góp phần phát triển kinh tế - xã hội; làm cơ sở để quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

- Bố trí các loại hình công nghiệp phù hợp, hài hoà với tổng thể kiến trúc, đảm bảo yêu cầu về phòng chống cháy nổ, sử dụng đất đai hợp lý, bảo vệ môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Tăng tỷ lệ lao động công nghiệp, góp phần quan trọng vào việc chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn.

3. Tính chất, chức năng

Là khu công nghiệp tập trung đa ngành, ưu tiên công nghiệp sản xuất trang thiết bị y tế, điện tử, sản xuất ô tô, xe máy, sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp phụ trợ ngành may mặc, các dự án công nghiệp sử dụng công nghệ cao (không thu hút các dự án sử dụng nhiều lao động như may mặc, da, giầy).

4. Cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất

4.1. Đất quy hoạch khu công nghiệp: Tổng diện tích khoảng 250,55 ha, bao gồm:

a) Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp: Diện tích 175,71 ha chiếm 70,1%. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: Mật độ xây dựng tối đa 70%; tầng cao công trình tối đa 05 tầng; hệ số sử dụng đất tối đa 3,5 lần.

b) Đất công trình dịch vụ, tiện ích công cộng: Diện tích 7,43 ha, chiếm 3%. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: Mật độ xây dựng tối đa 60%; tầng cao công trình tối đa 05 tầng; hệ số sử dụng đất tối đa 3,0 lần.

c) Đất công trình hạ tầng kỹ thuật: Diện tích 6,23 ha, chiếm 2,5%. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: Mật độ xây dựng tối đa 30%; tầng cao công trình tối đa 02 tầng; hệ số sử dụng đất tối đa 0,6 lần.

d) Đất cây xanh, mặt nước: Diện tích 27,38 ha, chiếm 10,9%.

đ) Đất giao thông: Diện tích 33,80 ha, chiếm 13,5%.

4.2. Đất ngoài khu công nghiệp: Diện tích khoảng 5,41 ha.

5. Tổ chức không gian

Khu công nghiệp Bắc Hoằng Hóa được phân thành 02 khu: Khu A có diện tích khoảng 171,17 ha, vị trí phía Tây tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc Nam. Khu B có diện tích khoảng 79,38 ha, vị trí phía Đông tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc Nam (trong khu B gồm: Khu B1, diện tích 7,40 ha, vị trí nằm ở phía Đông tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc Nam đến phía Tây đường Kim Quỳ; Khu B2, diện tích 60,26 ha, vị trí nằm ở phía Đông đường Kim Quỳ đến phía Tây đường Phú Quý 10; Khu B3, diện tích 11,72 ha, vị trí nằm ở phía Đông đường Phú Quý 10).

a) Nhà máy, xí nghiệp: Quy hoạch phân lô các lô đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp linh hoạt, có thể ghép nối nhiều lô đất để đáp ứng yêu cầu xây dựng của các nhà máy có quy mô lớn. Chú trọng thu hút các doanh nghiệp lớn mang tính chất trọng tâm, động lực cho phát triển khu công nghiệp; đồng thời khi thực hiện đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, phải đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

b) Khu dịch vụ, tiện ích công cộng: Được bố trí tập trung tại khu trung tâm của khu công nghiệp gắn với không gian cây xanh trung tâm tạo thành một quần thể công trình văn phòng điều hành, khu đất an ninh (như đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ), nhà lưu trú, các công trình dịch vụ và trưng bày sản phẩm, trung tâm văn hóa thể thao, y tế khu công nghiệp.

c) Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, như: Trạm điện, trạm xử lý nước thải được bố trí tập trung tại khu vực phía Tây Nam khu đất, thuận lợi cho việc đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài khu công nghiệp.

d) Cây xanh: Bố trí các khu công viên cây xanh tập trung trong khu công nghiệp tại các khu vực trung tâm, tạo cảnh quan và góp phần cải thiện môi trường sinh thái trong khu công nghiệp; ngoài khu cây xanh tập trung, còn bố trí

cây xanh tại các dải phân cách, dọc các trục đường giao thông, xung quanh các khu hạ tầng kỹ thuật và dải cây xanh cách ly, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường và mỹ quan cho khu công nghiệp.

đ) Giao thông: Hệ thống giao thông nội khu được thiết kế theo dạng ô bàn cờ, thuận lợi kết nối với các tuyến đường giao thông đối ngoại, đảm bảo tiếp cận thuận tiện đến từng lô đất.

6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

6.1. Quy hoạch giao thông:

a) Giao thông đối ngoại: Khu công nghiệp kết nối với khu vực xung quanh qua các tuyến giao thông đối ngoại gồm: đường nối Quốc lộ 1A với Quốc lộ 45, đường Phú Quý 3, đường Hoằng Xuân - Hoằng Quỳ, đường sắt tốc độ cao Bắc Nam, đường Kim Quỳ, đường Phú Quý 10; đường Phú Quý 09.

b) Giao thông nội bộ: Mạng lưới giao thông nội khu được thiết kế theo dạng ô bàn cờ. Quy mô mặt cắt đường được tính toán phù hợp về số lượng và bề rộng các làn xe, đảm bảo lưu lượng, vận tốc của các phương tiện tham gia. Hệ thống giao thông khu công nghiệp được chia thành các mặt cắt với quy mô mặt cắt ngang từ 17,5 - 48,0m. Hành lang tuyến đường giao thông đảm bảo khả năng bố trí hệ thống đường dây, đường ống, tuynen.

6.2. Quy hoạch san nền:

Hướng dốc chính của khu vực từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Độ dốc san nền phải đảm bảo thoát nước tự chảy có độ dốc nền 0,4%. Cao độ san nền thấp nhất là 2,80m. Cao độ san nền cao nhất là 4,60m.

6.3. Quy hoạch thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa khu công nghiệp là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, được thiết kế tự chảy. Khu vực thoát nước được chia thành 03 lưu vực và thoát về kênh tiêu Phượng Quý. Nước mưa trong khu công nghiệp được thu gom vào các tuyến cống dọc theo đường giao thông sau đó tập trung về mương hở nội khu và thoát về kênh tiêu Phượng Quý. Hệ thống kênh tiêu Phượng Quý được xây dựng hoàn trả bằng mương đất về phía Nam, mương hở thiết kế theo dạng hình thang, đáy rộng 5 m, chiều sâu mương trung bình 1,6 m.

6.4. Quy hoạch cấp nước:

- Tổng nhu cầu cấp nước của khu công nghiệp khoảng 11.000 m^3/ngày.đêm (trong đó: nước cấp cho sản xuất, sinh hoạt là 6.406 m^3/ngày.đêm; nước cấp tưới cây, rửa đường, phòng cháy chữa cháy là 4.711 m^3/ngày.đêm). Xây dựng mới 01 trạm cấp nước công suất 11.200 m^3/ngày.đêm và 01 hồ chứa nước trong khu công nghiệp đặt tại khu A.

- Nguồn cấp nước thô: Nước thô được lấy từ kênh Nam phía Tây khu công nghiệp.

- Giải pháp mạng lưới được chọn là mạng vòng kết hợp mạng cụt cấp nước cho nhu cầu sản xuất, sinh hoạt, cứu hoả và mọi nhu cầu khác. Đường ống cấp nước chạy dọc theo các tuyến đường giao thông và đi ngầm dưới vỉa hè. Trên các trục đường có ống cấp nước chính sẽ đặt các trụ cứu hỏa, khoảng cách giữa các trụ cứu hoả từ 100 ÷ 150m. Tưới cây rửa đường được lấy nước từ nguồn nước mặt hoặc tận dụng nước thải sau khi được xử lý đạt chuẩn.

6.5. Quy hoạch cấp điện:

- Tổng nhu cầu sử dụng điện của khu công nghiệp khoảng 62,9 MVA.

- Nguồn điện cấp cho khu công nghiệp từ đường dây 110 KV đi qua khu vực lập quy hoạch được đấu nối từ trạm biến áp 220KV Hậu Lộc, cấp điện cho trạm biến áp 110 KV Khu công nghiệp Bắc Hoằng Hóa.

- Mạng lưới trung áp: Gồm các tuyến 35/22 KV được quy hoạch đi dọc trục đường giao thông, dải cây xanh cách ly, lấy cấp điện cho các trạm biến áp 35(22)/0,4 KV và đến hàng rào các công trình xây dựng nhà máy, xí nghiệp. Mạng lưới điện trung áp quy hoạch mạng lưới vòng. Các trạm biến áp 35(22)/0,4 KV được bố trí phù hợp trong từng khu.

- Lưới điện chiếu sáng: Nguồn điện cấp cho chiếu sáng được lấy từ các trạm biến áp 22/0,4KV và được tính toán cụ thể cho từng lộ chiếu sáng. Cáp điện chiếu sáng được quy hoạch đi ngầm để đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

- Hệ thống trạm biến áp: Xây dựng trạm biến áp 110 kV, công suất 2x40 MVA đặt tại Khu A để cấp điện cho khu công nghiệp.

6.6. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a) Thoát nước thải:

- Tổng nhu cầu xử lý nước thải khoảng 5.300 m^3/ngày.đêm.

- Hệ thống thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa. Xây dựng mới 01 trạm xử lý nước thải cho khu vực có công suất 4.000 m^3/ngày.đêm, đặt tại Khu A và nâng cấp trạm xử lý nước thải tại Cụm công nghiệp Bắc Hoằng Hóa lên 1.500 m^3/ngày.đêm để thu gom nước thải khu B. Nước thải được xử lý triệt để đảm bảo đạt chất lượng đầu ra và thải ra nguồn tiếp nhận theo quy định.

b) Vệ sinh môi trường:

- Tổng lượng chất thải rắn khoảng 52,9 tấn/ngày.đêm.

- Chất thải rắn trong khu công nghiệp sẽ được thu gom và vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn bố trí tại xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hóa.

6.7. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động:

a) Mạng điện thoại cố định, Internet cố định: Xây dựng 01 trạm truy nhập vệ tinh; xây dựng các tuyến cáp quang ngầm dọc các tuyến giao thông từ trạm trung tâm về trạm vệ tinh trong khu vực lập quy hoạch.

b) Mạng thông tin di động: Xây dựng các cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động thân thiện với môi trường, cột ăng ten tự đứng, cột ăng ten ngụy trang, dùng chung cho các doanh nghiệp viễn thông trong khu vực. Phạm vi bán kính phủ sóng của 01 cột từ 200m đến 300m, đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ thông tin di động băng thông rộng tốc độ cao, dự kiến trong khu vực cần bố trí 10 vị trí để xây dựng cột ăng ten.

c) Mạng cáp viễn thông: Mạng cáp được xây dựng ngầm hóa toàn bộ các tuyến cáp dọc các tuyến đường chính, đường nội bộ trong khu vực. Hệ thống cáp chính được bố trí đi trong ống nhựa PVC đường kính D110, những đoạn qua đường dùng ống thép hoặc ống nhựa chịu lực.

7. Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai

7.1. Tác động môi trường khi thực hiện quy hoạch:

a) Tác động đến môi trường đất: Tác động lớn nhất đến môi trường đất sẽ là hoạt động đào đắp, nạo vét san nền làm thay đổi tính chất cơ lý của đất, thay đổi dòng chảy của khu vực. Hoạt động công nghiệp sẽ phát sinh chất thải, nước thải ra môi trường nước, đất, không khí.

b) Tác động đến môi trường nước: Tác động trực tiếp đến môi trường nước là nước thải do quá trình sản xuất và sinh hoạt của công nhân. Các hoạt động san nền làm thay đổi cấu trúc mặt phủ, thay đổi chế độ thủy văn (khả năng giữ nước, thời gian tập trung nước về cuối nguồn).

c) Tác động đến môi trường không khí, tiếng ồn: Khí thải do các hoạt động sản xuất; khí thải từ các hoạt động giao thông vận tải; hoạt động của khu công nghiệp sẽ tác động rất mạnh đến môi trường không khí, tiếng ồn khu vực.

d) Tác động đến môi trường chất thải rắn: Lượng chất thải rắn lớn qua các hoạt động sản xuất công nghiệp sẽ gây áp lực cho hệ thống vận chuyển, phát sinh nguy cơ ô nhiễm dọc tuyến đường ra khu xử lý tập trung.

đ) Tác động đến kinh tế - xã hội: Vấn đề tập trung một lượng lớn lao động cũng đặt ra các vấn đề về kiểm soát an ninh trật tự, an toàn lao động, dịch bệnh.

7.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục:

a) Lồng ghép mục tiêu bảo vệ môi trường trong các định hướng quy hoạch: Đảm bảo tỷ lệ cây xanh, mặt nước trong khu công nghiệp cũng như từng nhà máy. Phân nhóm theo mức độ ô nhiễm các xí nghiệp sản xuất để bố trí các cụm nhà máy gần nhau, có giải pháp thích hợp cho từng cụm. Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

b) Bảo vệ môi trường đất: Quá trình nạo vét, san nền phải được tiến hành đồng bộ, đúng kỹ thuật, tránh sụt lún khi xây dựng công trình. Sau khi quá trình san nền hoàn thành phải trồng cây, phủ mặt những vị trí dự định bố trí cây xanh, khu đất chưa sử dụng. Xử lý triệt để nước thải, chất thải rắn tránh gây ô nhiễm thứ cấp.

c) Bảo vệ môi trường nước: Thu gom và xử lý triệt để nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường. Không xả nước thải chưa xử lý, nước thải xử lý chưa đạt tiêu chuẩn ra nguồn.

d) Bảo vệ môi trường không khí: Khống chế ô nhiễm ngay tại nguồn phát sinh ra chất thải, coi vận hành và quản lý các thiết bị, máy móc cũng như quá trình công nghệ sản xuất là một biện pháp để khống chế ô nhiễm môi trường không khí. Thực hiện các giải pháp kỹ thuật nhằm hạn chế ô nhiễm tại các nhà máy. Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy và khu công nghiệp.

đ) Giảm thiểu chất thải rắn: Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn và mô hình sản xuất sạch với từng nhà máy, từng cụm nhà máy, giảm thiểu lượng chất thải rắn phát sinh. Điểm tập trung chất thải rắn phải được kiểm soát về môi trường chặt chẽ, đảm bảo không bị ảnh hưởng bởi các nguy cơ ngập úng, có mái che, tường bao, nền được chống thấm để tránh ảnh hưởng về cảnh quan và môi trường không khí.

e) Giảm thiểu ảnh hưởng kinh tế - xã hội: Khi khu công nghiệp triển khai, hoạt động sẽ ảnh hưởng đến tất cả các hộ dân, doanh nghiệp đang sinh sống trong khu vực. Cần tính toán các phương án tái định cư, công tác đền bù phải được tiến hành thỏa đáng. Đào tạo nghề cho những người có nhu cầu, ưu tiên bố trí việc làm cho người trong diện giải tỏa vào làm việc trong khu công nghiệp.

g) Xây dựng kế hoạch quản lý, quan trắc, giám sát tác động môi trường.

7.3. Phòng, chống thiên tai:

- Thực hiện tốt công tác quản lý, không để lấn chiếm hành lang bảo vệ, đảm bảo khả năng tiêu thoát, thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông lòng dẫn các tuyến kênh, mương thoát nước chính.

- Tăng cường năng lực chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Tuyên truyền, giáo dục cộng đồng, đầu tư công tác cảnh báo.

- Tăng cường năng lực cho cộng đồng về giảm nhẹ thiên tai.

8. Bố trí nhà ở cho người lao động và di dời mồ mả

8.1. Bố trí nhà ở cho người lao động: Dự kiến bố trí nhà ở cho công nhân và thiết chế công đoàn tại các ô đất có ký hiệu I-OM04 (diện tích 1,04 ha); I-OM05 (diện tích 6,31 ha) tại phía Đông Bắc đường Kim Sơn theo Quy hoạch chung Đô thị Phú Quý đã được phê duyệt.

8.2. Di dời mồ mả: Mở rộng, khoanh vùng diện tích khu nghĩa địa hiện trạng thuộc địa giới hành chính xã Hoằng Phú (từ 0,54 ha lên thành 1 ha) để bố trí đất cho các phần mộ riêng lẻ trong khu công nghiệp và dải cây xanh cách ly đảm bảo vệ sinh môi trường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 30 thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Xây dựng, Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường, Công thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND huyện Hoằng Hóa;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Lại Thế Nguyên